

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2022/DS-PT  
Ngày 05-12-2022  
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Trúc

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Dũng  
Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và ngày 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 217/2022/QĐPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 245/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Đậu Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 3 năm 2021), có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Công K, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: số nhà 17, đường H, tổ dân phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: số 334, Đại lộ B, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2021), có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 10, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Luật sư của Công ty Luật TNHH V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Xuân H, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Chị Huỳnh Thị Thanh H, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ 4, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trần Công K.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nội dung bản án sơ thẩm thể hiện:

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Đậu Văn C là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị H và anh Trần Công K là bạn bè làm ăn chung. Chị H có chồng là anh Lê Xuân H. Quá trình làm ăn chung, chị H có cho anh K vay tiền bảy lần, cụ thể: năm 2019, chị H cho anh K vay sáu lần: lần thứ nhất là 150.000.000 đồng để anh K mua ô tô trả góp; lần thứ hai là 90.000.000 đồng; lần thứ ba và lần thứ tư, mỗi lần 100.000.000 đồng; lần thứ năm là 300.000.000 đồng; lần thứ sáu là 60.000.000 đồng. Năm 2020, chị H cho anh K vay một lần với số tiền 28.000.000 đồng để trả góp xe. Những lần vay tiền từ lần thứ hai đến lần thứ sáu, chị H không rõ anh K vay mục đích gì. Vì quen biết tin tưởng nhau nên các lần vay tiền hai bên không làm giấy tờ, không thỏa thuận lãi và thời hạn vay. Do tổng số tiền chị H cho anh K vay nhiều nên ngày 13/7/2020, chị H và anh K cùng thống nhất ký tên trong Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 để xác nhận nợ với tổng số tiền anh K vay của chị H là 828.000.000 đồng. Theo hợp đồng này, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là tháng 10/2020 (từ ngày 10/10/2020 đến ngày 30/10/2020); tiền lãi anh K phải trả cho chị H là 6.000.000 đồng/tháng, trả lãi vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

Từ khi ký hợp đồng vay tiền đến hết thời hạn vay, anh K không thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi nào cho chị H. Đến hạn, chị H nhiều lần yêu cầu anh K trả nợ nhưng anh K cố tình né tránh không trả nợ, vì vậy chị H làm đơn khởi kiện anh K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc anh K phải trả cho chị H số tiền nợ gốc là 828.000.000 đồng; buộc anh K phải trả tiền lãi theo thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng (tương đương 0,72%/tháng, 8,64%/năm), tính từ thời điểm trả lãi của tháng đầu tiên theo hợp đồng là ngày 10/8/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tính tròn là ngày 10/7/2022 là 23 tháng: 6.000.000 đồng x 23 tháng = 138.000.000 đồng. Tổng số tiền chị H yêu cầu anh K phải trả cho chị H là 966.000.000 đồng.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Công K trình bày:*

Anh K và chị H là bạn bè thân thiết, đều là người môi giới bất động sản. Anh K có vợ là chị Huỳnh Thị Thanh H. Khoảng đầu tháng 7/2020, chị H có kể với anh K sự việc chị H cho người khác vay tiền nhưng họ không thanh toán lại cho chị H. Chị H sợ chồng biết nên chị H nhờ anh K ký giùm một giấy nhận nợ giống với Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 mà chị H cung cấp cho Tòa án. Vì quá tin tưởng và do chị H năn nỉ nên anh K

đồng ý ký; số tiền anh K ký nhận nợ với chị H là 10.000.000 đồng, không phải 828.000.000 đồng, chị H hứa không đòi anh K số tiền 10.000.000 đồng (chỉ nói miệng). Hợp đồng vay tiền với số nợ 10.000.000 đồng có 02 tờ, mỗi tờ in một mặt, anh K có ký nháy trên tờ đầu của hợp đồng và do anh K viết; còn hợp đồng vay tiền mà chị H cung cấp cho Tòa án là chữ viết của chị H. Anh K và chị H ký kết hợp đồng vay tiền tại một quán cà phê ở ngã ba B. Việc anh K ký giấy nhận nợ với chị H chỉ có anh K biết, vợ anh K không biết. Do số tiền anh K ký nợ giùm cho chị H quá ít nên anh K để cho chị H giữ hợp đồng đó, anh K không giữ bản nào. Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 mà chị H cung cấp cho Tòa án, anh K thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay là của anh K; tuy nhiên, anh K không thừa nhận anh K đã vay của chị H số tiền 828.000.000 đồng.

Nay, chị H khởi kiện yêu cầu anh K phải trả cho chị H số tiền nợ gốc 828.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, anh K không đồng ý.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Xuân H trình bày:* anh H là chồng của chị H. Việc anh K vay tiền của chị H, anh H có biết. Anh H thống nhất với lời khai và yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc anh K phải thanh toán nợ gốc và lãi cho chị H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thanh H trình bày:* chị H là vợ của anh K. Sự việc tranh chấp liên quan đến Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020, chị H có nghe anh K nói; tuy nhiên, thực hư như thế nào chị H không rõ. Chị H thống nhất với lời khai của anh K. Nay chị H không liên quan gì đến vụ việc này, chị H yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh K.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 có chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của anh K nhưng không ghi là tổng hợp nợ, không có giao nhận tiền ngày 13/7/2020 và phía dưới của hợp đồng cũng không có ghi là đã nhận tiền. Nguyên đơn khai cho anh K vay tổng cộng bảy lần nhưng đều không có giấy tờ. Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 để buộc anh K trả nợ, nhưng hợp đồng vay tiền này là không đúng, được lập khống. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Trần Công K về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc anh Trần Công K phải trả cho chị Nguyễn Thị H tổng số tiền 966.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi sáu triệu đồng), bao gồm tiền gốc là 828.000.000 đồng (tám trăm hai mươi tám triệu đồng) và tiền lãi là 138.000.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu đồng).

## 2. Về án phí:

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.410.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0039359 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Anh Trần Công K phải chịu 40.980.000 đồng (bốn mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 01/8/2022 bị đơn anh Trần Công K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm:* Nguyên đơn kháng định nhiều lần cho bị đơn vay tiền nhưng không có chứng cứ chứng minh. Qua lời khai của nguyên đơn và bị đơn đã xác định được Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 đã không được thực hiện trên thực tế, đây là hợp đồng giả tạo, các bên không thực hiện giao nhận tiền vay theo hợp đồng. Đoạn tin nhắn qua zalo do nguyên đơn cung cấp không phải là nguồn của chứng cứ. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng vay có chữ ký của bên vay là có việc vay tiền là không phù hợp. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được quan hệ vay tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn xác định có ký hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 với chị H nhưng khi ký thì anh K ký 02 tờ, mỗi tờ 01 mặt nhằm xác nhận có vay của chị H số tiền 10.000.000 đồng để chị H làm căn cứ báo với anh H(chồng chị H) nhưng anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Xuân H và chị Huỳnh Thị Thanh H vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Trần Công K nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Trần Công K yêu cầu anh K phải trả cho chị H số tiền nợ gốc là 828.000.000 đồng; tiền lãi theo thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng đến thời điểm xét xử sơ thẩm tính tròn 23 tháng là 138.000.000 đồng; tổng cộng là 966.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020 giữa bên vay tiền là anh Trần Công K và bên cho vay tiền là chị Nguyễn Thị H; nội dung thỏa thuận anh K vay của chị H số tiền 828.000.000 đồng, thời hạn thanh toán tháng 10 (tức từ ngày 10/10/2020 đến ngày 30/10/2020), lãi suất thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng; ở cuối hợp đồng có chữ ký, chữ viết họ, tên và dấu lặn tay của anh K và chữ ký, chữ viết họ, tên của chị H. Đối với tài liệu được in trên khổ giấy A4 được in ra từ đoạn tin nhắn qua zalo (bút lục 76), tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không xuất trình được nguồn dữ liệu của chứng cứ và xác định không phải là chứng cứ, bị đơn không thừa nhận đoạn tin nhắn này. Do đó, Hội

đồng xét xử không có căn cứ xem xét tài liệu này là chứng cứ theo Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn anh Trần Công K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh K xác định không có vay số tiền 828.000.000 đồng của chị H, mặc dù anh K thừa nhận có ký tên, lăn tay trong Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020, lý do anh K ký tên trong hợp đồng này do được chị H năn nỉ nhờ ký dùm và quá tin tưởng chị H nên ký, nhưng khi ký anh K xác định chỉ nhận nợ 10.000.000 đồng, hợp đồng anh K ký có 02 tờ, mỗi tờ in một mặt, anh K có ký nháy trên tờ đầu của hợp đồng và hợp đồng do anh K viết; còn hợp đồng vay tiền mà chị H cung cấp cho Tòa án là chữ viết của chị H. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh K.

[2.3] Chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập: tại Biên bản đối chất ngày 07/7/2021 (bút lục 31-32), anh K thừa nhận có vay tiền của chị H từ một lần đến hai lần vào khoảng năm 2020, mỗi lần vay khoảng 30.000.000 đồng và anh K đã trả cho chị H nhưng không có giấy tờ chứng minh; ngược lại anh K cho chị H vay số tiền 100.000.000 đồng. Anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai này mà anh K thừa nhận có việc ký hợp đồng vay với chị H vào ngày 13/7/2020. Anh K không chứng minh được việc chị H sửa chữa Hợp đồng vay ngày 13/7/2020.

[2.4] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa anh K và chị H có việc vay tiền theo Hợp đồng vay tiền ngày 13/7/2020, đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi. Khi đến hạn thanh toán, anh K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm khoản 1, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; xác định chị Huỳnh Thị Thanh H là vợ của anh Trần Công K không cùng với anh K trực tiếp vay tiền của chị H nên không buộc chị Hoa liên đới cùng anh K trả nợ cho chị H. Từ đó, căn cứ vào Điều 463, khoản 4 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc anh K trả cho chị H số tiền vay gốc 828.000.000 đồng và tiền lãi 138.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.5] Bị đơn anh Trần Công K kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, anh K, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh K không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Công K.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Công K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009273 ngày 11/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Trúc**